

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày 19-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; đăng ký hộ khẩu thường trú số xAx, khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú số xxxC, khu phố B, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: đạo phật; con ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1979; chồng: Dương Võ Thanh D, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Đinh Ngọc Xuân H, sinh năm 1973 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số x ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số x, đường N, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: thiên chúa; con ông Đinh Văn N (chết) và bà Đoàn Thị C, sinh năm 1944; chồng: Trương Quốc H, sinh năm 1961; có 01 người con sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt;

- Bị hại: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam (gọi tắt là Công ty H); trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số x N, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh có 100% vốn nước ngoài;

Đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông D(Quốc tịch Nga);

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số x, Khu phố x, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Phước H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số X, ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: nhà trọ N, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam (gọi tắt là Công ty H), có trụ sở tại Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số 20 N, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh có 100% vốn nước ngoài, do ông D(Quốc tịch Nga) đại diện theo pháp luật; ông Lê Phước T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số x, Khu phố x, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện theo ủy quyền. Công ty H có ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT, địa chỉ: Số x K, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp dịch vụ cho vay trả góp mua hàng hóa tại các chuỗi cửa hàng của Công ty FPT trên toàn quốc. Khi khách đến cửa hàng mua sản phẩm nhưng không muốn thanh toán tiền một lần thì Công ty H hỗ trợ khách hàng bằng cách ký hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền, khách hàng sẽ thanh toán trả góp hàng tháng theo thỏa thuận.

Ngày 30/7/2018 đại diện theo pháp luật của Công ty H làm đơn tố cáo Đinh Ngọc Xuân H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty thông qua hợp đồng tín dụng trả góp số xxxxxxxxxx ngày 09/01/2018.

Quá trình điều tra xác định: Đinh Ngọc Xuân H và Nguyễn Thanh T có quen biết và thường xuyên trao đổi việc vay mượn tiền. Đầu năm 2018, do thiếu nợ cần vay tiền nên Nguyễn Thanh T vào Facebook địa chỉ “chovaytinchaptrongngay” để xin vay tiền. Khi truy cập vào địa chỉ này thấy có số điện thoại nên T gọi điện liên hệ gặp một người thanh niên tự xưng là Tr và Tr nói không có cho vay mà hướng dẫn T sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để đến cửa hàng FPT mua điện thoại trả góp bán lại cho Tr, Tr sẽ đưa số tiền trả trước, còn lại phải vay trả góp, khi nhận được điện thoại Tr sẽ cho T 5.000.000 đồng.

Do trước đây chị Phan Thị Yên Nh con bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre có đến gặp T để vay 4.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị B. Từ đó T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Biết để thực hiện việc lừa

đảo. Vào ngày 09/01/2018, T và H gặp nhau, T đề xuất H đóng giả theo giấy tờ của bà B để mua điện thoại trả góp, được H đồng ý. Cùng ngày, cả hai đến cửa hàng FPT – Số x, đại lộ Đ, phường Phú KH, thành phố B, tỉnh Bến Tre để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 giá 22.490.000 đồng, trả trước 6.747.000 đồng, còn lại Công ty H cho vay số tiền là 16.532.000 đồng (trong đó có 789.000 đồng phí bảo hiểm), Công ty H có trách nhiệm thanh toán tiền cho cửa hàng FPT và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu. Khi đến cửa hàng, H giả làm bà B để làm hồ sơ vay tiền; tại đây H được chị Nguyễn Thị Yến N nhân viên Công ty nhập các thông tin do T, H cung cấp và chụp ảnh thực tế của khách hàng. Khi ký vào hồ sơ và các hợp đồng, Đinh Ngọc Xuân H đều viết và ký tên Nguyễn Thị B. Khi hồ sơ được duyệt, T điện thoại người thanh niên tên Tr lấy số tiền 6.747.000 đồng để trả trước cho Công ty. Ngay sau khi nhận chiếc điện thoại Samsung Note 8, T liên hệ giao điện thoại cho người thanh niên tên Tr, đồng thời nhận 5.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó; T đưa cho Đinh Phước H (em ruột của H) 2.000.000 đồng. H đưa lại cho H 1.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 196/2018/GĐTL ngày 25/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Thị B” trong toàn bộ hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx đề ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa khách hàng với Công ty H là do Đinh Ngọc Xuân H ký và viết ra.

* Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ gồm:

Một bộ hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp do Công ty H cung cấp gồm: đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx, thỏa thuận Tr tài, bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử, hợp đồng bảo hiểm cùng ký ngày 09/01/2018 được ký kết tại cửa hàng FPT, số x, đại lộ Đ, phường Phú KH, thành phố B, do đại diện ủy quyền là ông Lê Phước T giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre.

Quá trình điều tra Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H khai nhận phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được.

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-P3 ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: lời khai của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với Kết luận giám định về chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Thị B” trong toàn bộ hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx đề ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa khách hàng với Công ty H là do Đinh Ngọc Xuân H ký và viết ra; phù hợp với vật chứng

được thu giữ, với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng số: 04/CT-VKS-P3 ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Ngọc Xuân H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự; đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Công ty H số tiền 16.532.000 đồng; cụ thể: bị cáo T bồi thường 14.532.000 đồng, bị cáo H bồi thường 2.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án các đồ vật, tài liệu do ông Lê Phước T giao nộp, gồm: đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx, thỏa thuận Tr tài, bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử, hợp đồng bảo hiểm cùng ký ngày 09/01/2018 (đều là bản chính).

- Bị cáo Nguyễn Thanh T trình bày lời khai: do cần tiền trả nợ nên bị cáo lên Facebook tìm địa chỉ “chovaytinchaptrongngay” để xin vay tín chấp, trong đó có số điện thoại liên lạc nên bị cáo điện thoại gặp một người trên Tr, Tr nói không có cho vay chỉ hướng dẫn cách sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu đi mua điện thoại rồi bán lại cho Tr, Tr kêu bị cáo vô cửa hàng FPT để làm hồ sơ vay tiền mua điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 thì Tr mới mua lại, còn loại khác không mua, giá điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 là 22.490.000 đồng, khi hồ sơ được duyệt thì điện thoại cho Tr để Tr đưa 6.747.000 đồng trả trước, Tr sẽ mua lại điện thoại và đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng. Do bị cáo đang giữ sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị B nên nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ này để mua điện thoại; bị cáo cũng biết bị cáo H đang cần vay tiền nên bị cáo mới thỏa thuận với bị cáo H về việc vay tiền. Ngày 09/01/2018; bị cáo H và ông Đinh Phước H (em ruột bị cáo H) có mặt chơi ở nhà bị cáo, bị cáo đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B cho bị cáo H xem, bị cáo kêu bị cáo H học thuộc thông tin để giả làm bà B đi mua điện thoại. Bị cáo cùng bị cáo H đến cửa hàng FPT để bị cáo H làm hồ sơ vay tiền, bị cáo đưa cho bị cáo H giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B để làm hồ sơ vay số tiền 16.532.000 đồng. Khi bị cáo H làm hồ sơ thì bị cáo đọc tên và số điện thoại của bị cáo trong mục người thân. Khi hồ sơ được duyệt thì bị cáo H ở đợi tại cửa hàng FPT; bị cáo điện thoại cho Tr, Tr kêu một người nam khoảng 16 tuổi đưa bị cáo số tiền 6.747.000 đồng rồi theo bị cáo đến cửa hàng FPT. Sau khi nhận được điện thoại bị cáo đem ra trước cửa hàng FPT giao cho người nam này và lấy 5.000.000 đồng rồi cùng bị cáo H về nhà. Bị cáo H đưa lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B cho bị cáo cất giữ. Bị cáo cho bị cáo H 2.500.000 đồng

nhưng do bị cáo H đã ra về nên bị cáo đưa cho ông H 2.500.000 đồng để ông H đưa lại cho bị cáo H. Việc bị cáo với bị cáo H vay tiền mua điện thoại thì ông H không biết. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty H. Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo Đinh Ngọc Xuân H trình bày lời khai: ngày 09/01/2018, em ruột của bị cáo là ông Đinh Phước H đang chơi ở nhà bị cáo T, ông H điện thoại kêu bị cáo lên nhà bị cáo T chơi. Khi đến nhà bị cáo T thì bị cáo T đưa cho bị cáo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị B và kêu bị cáo đến cửa hàng FPT mua điện thoại trả góp. Bị cáo T cùng bị cáo đến cửa hàng FPT ở số x, đại lộ Đ, phường Phú KH, thành phố B, tỉnh Bến Tre để mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 giá 22.490.000 đồng bằng hình thức vay tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam rồi trả góp. Bị cáo mang giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B đến nhân viên của Công ty H để làm hồ sơ vay số tiền 16.532.000 đồng, khi làm hồ sơ bị cáo nói bị cáo tên Nguyễn Thị B và cung cấp thông tin của bà B như trong sổ hộ khẩu, bị cáo có cung cấp số điện thoại thật của bị cáo T để Công ty H cung cấp mã xác thực, bị cáo đọc mã xác thực cho nhân viên nhập dữ liệu vào máy tính, còn 02 người tham chiếu thì ghi Phan Thị Yên Nh(con bà B) và Nguyễn Thanh T (bị cáo T), còn 02 số điện thoại của người tham chiếu do bị cáo T đọc bị cáo không biết của ai. Khi hồ sơ được duyệt, bị cáo ký tên vào hồ sơ gồm: đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx, thỏa thuận trọng tài, bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử và hợp đồng bảo hiểm, bị cáo đều ký và ghi họ và tên Nguyễn Thị B. Khi hoàn tất hồ sơ, nhân viên của Công ty H trả lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B cho bị cáo và bị cáo đưa lại cho bị cáo T cất giữ. Bị cáo T trực tiếp trả số tiền 6.747.000.000 đồng cho cửa hàng FPT và lấy điện thoại, sau đó ra về. Bị cáo T cho bị cáo 2.000.000 đồng, nhưng do bận công việc bị cáo về trước nên bị cáo T đưa 2.000.000 cho ông H để ông H đưa lại cho bị cáo, sau đó ông H chỉ đưa cho bị cáo 1.000.000 đồng. Việc bị cáo với bị cáo T vay tiền mua điện thoại thì ông H không biết. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty H. Bị cáo không tranh luận.

- Ông Lê Phước T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: ông là nhân viên bộ phận an ninh của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam. Tại hợp đồng tín dụng tiêu dùng số xxxxxxxxxx ký kết ngày 09/01/2018 do Đinh Ngọc Xuân H dùng giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị B vay của Công ty H số tiền 16.532.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng vay tiền thì Đinh Ngọc Xuân H không thanh toán cho Công ty H như nội dung hợp đồng đã ký kết. Nay ông yêu cầu: về trách nhiệm hình sự yêu cầu Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo Đinh Ngọc Xuân H bồi thường thiệt hại cho Công ty H Việt Nam số tiền 16.532.000

đồng; về xử lý vật chứng: trong quá trình điều tra ông có giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu gồm đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx, thỏa thuận trọng tài, bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử và hợp đồng bảo hiểm cùng ký ngày 09/01/2018. Ông không yêu cầu nhận lại và đồng ý lưu vào hồ sơ vụ án, ông không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Phước H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: ngày 09/01/2018 ông có đến nhà bị cáo T chơi, bị cáo H là chị ruột của ông có điện thoại tìm ông, ông chỉ đường cho bị cáo H đến nhà bị cáo T. Tại đây, bị cáo T kêu bị cáo H đi mua điện thoại trả góp để bán lại, bị cáo T sẽ cho ông và bị cáo H tiền cà phê, ông không nghe rõ là bị cáo T nói sử dụng giấy tờ của ai để đi mua điện thoại. Ông thấy bị cáo T dẫn bị cáo H đi mua điện thoại, ông vẫn ở nhà bị cáo T chơi và đợi. Khi bị cáo T và bị cáo H về ông nghe bị cáo H nói sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B để mua điện thoại, ông không rõ quy trình mua điện thoại cụ thể như thế nào, ông chỉ nghĩ mua điện thoại trả góp để bán lấy tiền rồi bị cáo T sẽ cho tiền cà phê. Bị cáo T có đưa cho ông 2.000.000 đồng, ông đưa lại cho bị cáo H 1.000.000 đồng.

- Người làm chứng chị Nguyễn Thị Yên N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra có trình bày lời khai: vào ngày 09/01/2018, chị đang trực tại cửa hàng FPT ở số x, đại lộ Đ, phường Phú KH, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì có 01 khách hàng nữ đến cửa hàng mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Note 8 giá 22.490.000 đồng, khách hàng muốn mua bằng hình thức trả góp nên chị có tư vấn và lập hợp đồng số xxxxxxxxxx với số tiền vay 16.532.000 đồng. Khách hàng đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị B để làm hồ sơ vay tiền. Hợp đồng số xxxxxxxxxx ngày 09/01/2018 là do chị trực tiếp làm, phần chữ ký và ghi họ tên xác nhận của nhân viên là do chị ký xác nhận. Sau khi làm hồ sơ vay tiền thì khách hàng được Công ty H Việt Nam xét duyệt cho vay số tiền 16.532.000 đồng để mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Note 8 như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra về nguyên nhân xảy ra vụ án, về thời gian, địa điểm gây án; phù hợp với vật chứng được thu giữ; phù hợp với kết luận giám định về chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Thị B” trên các tài liệu gồm: đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx, thỏa thuận Tr tài, bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử và hợp đồng bảo hiểm cùng ký ngày 09/01/2018 đều do Đinh Ngọc Xuân H ký và viết ra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: ngày 09 tháng 01 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thanh T là người đề xuất cùng bị cáo Đinh Ngọc Xuân H sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú số x, ấp P, xã H, thành phố B để đến cửa hàng FPT; địa chỉ số x, đại lộ Đ, phường Phú KH, thành phố B, tỉnh Bến Tre ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx với Công ty H Việt Nam mua điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 với giá 22.490.000 đồng. Khi thực hiện ký các hợp đồng tín dụng, bị cáo Đinh Ngọc Xuân H và bị cáo Nguyễn Thanh T đều biết việc ký mạo danh tên người khác, cung cấp thông tin sai sự thật là vi phạm pháp luật nhưng cả hai vẫn thực hiện để chiếm đoạt của Công ty H Việt Nam số tiền 16.532.000 đồng. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, thấy rằng Cáo trạng số 04/CT-VKS-P3 ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy tờ tùy thân không phải của mình, ký mạo danh người khác vào hồ sơ hợp đồng tín dụng vay tiền trả góp với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam có 100% vốn nước ngoài, làm cho Công ty H tin tưởng đó là sự thật nên đã giao số tiền 16.532.000 đồng cho các bị cáo chiếm đoạt, hành vi của các bị cáo đã xâm hại quyền sở hữu của Công ty H, gây mất an toàn cho hoạt động tín dụng của Công ty H, gây mất an ninh trật tự ở địa pH. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trái pháp luật do các bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đối với các bị cáo như: các bị cáo đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H cùng thực hiện tội phạm; cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị B cho bị cáo H; trực tiếp nhận điện thoại, đưa điện thoại cho đối tượng tên Tr và nhận của Tr 5.000.000 đồng; trực tiếp chia tiền cho bị cáo H. Bị cáo H vì túng quẫn, cần tiền nên nghe theo sự chỉ dẫn của bị cáo T để thực hiện tội phạm; trực tiếp ký kết hợp đồng vay tiền với Công ty H; được bị cáo T cho 2.000.000 đồng. Xét thấy vai trò và tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của bị

cáo T nguy hiểm hơn so với bị cáo H nên áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo H. Từ khi chiếm đoạt tiền đến nay các bị cáo chưa bồi thường khoản tiền nào cho Công ty H. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ ăn năn hối cải; bị cáo T hiện đang nuôi hai con nhỏ; bị cáo H hiện đang chăm sóc mẹ già được xác nhận là hộ cận nghèo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được quy định tại điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Qua xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo giáo dục, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

[5] Xét thấy Kiểm sát viên đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Xét thấy bị cáo T khai rằng đưa cho ông H 2.500.000 đồng để ông H đưa lại cho bị cáo H. Tuy nhiên bị cáo H và ông Hùng đều khẳng định bị cáo T chỉ đưa cho ông H 2.000.000 đồng, ngoài ra không có căn cứ gì để chứng minh bị cáo T đưa cho ông H 2.500.000 đồng. Vì vậy xác định bị cáo T chỉ đưa cho ông H 2.000.000 đồng để ông H đưa lại cho bị cáo H.

[6.2] Xét thấy bị cáo H chỉ ký hợp đồng vay số tiền 16.532.000 đồng; bị cáo T trực tiếp nhận điện thoại đã mua của cửa hàng FPT, giao điện thoại cho Tr và nhận của Tr 5.000.000 đồng, bị cáo T chỉ cho bị cáo H 2.000.000 đồng. Vì vậy; cần buộc bị cáo T và bị cáo H phải liên đới bồi thường cho Công ty H số tiền 16.532.000 đồng, cụ thể: bị cáo T bồi thường 14.532.000 đồng, bị cáo H bồi thường 2.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Đối với ông Đinh Phước H khai rằng không biết việc vay tiền và mua điện thoại trả góp giữa bị cáo T và bị cáo H, ông H chỉ nghĩ bị cáo H và bị cáo T mua điện thoại trả góp để bán lại và cho ông tiền cà phê nên khi bị cáo T đưa ông 2.000.000 đồng, ông chỉ đưa lại cho bị cáo H 1.000.000 đồng. Xét thấy lời khai của ông H về việc không biết việc vay tiền và mua điện thoại trả góp giữa bị cáo T và bị cáo H là phù hợp với lời khai của bị cáo T và bị cáo H; việc ông H giữ lại 1.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân là do ông nghĩ bị cáo T cho tiền cà phê. Vì vậy, không có căn cứ để xác định hành vi này của ông H có dấu hiệu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 1.000.000 đồng ông H giữ lại tiêu xài cá nhân; tại phiên tòa bị cáo H khai rằng do H là em ruột của bị cáo, có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo đồng ý bồi thường luôn

số tiền này mà ông H không phải nộp lại; yêu cầu của bị cáo H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quá trình điều tra không truy tìm được người thanh niên tên Tr, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án những đồ vật, tài liệu do ông Lê Phước T giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre như đã nêu ở phần trên theo đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của ông Toàn.

[10] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H phải nộp tiền án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Đinh Ngọc Xuân H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2019;

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc Xuân H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2019;

Giao bị cáo Đinh Ngọc Xuân H cho Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Đinh Ngọc Xuân H phải liên đới bồi thường cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam số

tiền: 16.532.000 đ (mười sáu triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng) do ông Lê Phước T đại diện nhận. Cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường số tiền 14.532.000 đ (mười bốn triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng).

- Bị cáo Đinh Ngọc Xuân H phải bồi thường số tiền 2.000.000 đ (hai triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3] Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án những vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ, gồm:

- Đề nghị vay vốn ký ngày 09/01/2018 (bản chính);
 - Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxx ký ngày 09/01/2018 (bản chính);
 - Thỏa thuận Tr tài ký ngày 09/01/2018 (bản chính);
 - Bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử ký ngày 09/01/2018 (bản chính);
 - Hợp đồng bảo hiểm ký ngày 09/01/2018 (bản chính).
- (Đã lưu vào hồ sơ vụ án tại các bút lục từ số 183 đến số 189).

[4] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng năm 2015; áp dụng Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 726.600 đ (bảy trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đinh Ngọc Xuân H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

[6] Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường x + phường 1, thành phố B (2b);
- Bị cáo (2b);
- NCQLNVLQ (1b);
- Bị hại (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (1b);
- Lưu: HS; Tòa Hình sự; KTNV; VP (8b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông